

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HSPT

Ngày: 05/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Cảnh.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Lương Đức Dương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Cao
Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2017/HSPT ngày 07 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo Dương Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Quy Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Văn T, sinh năm 1986 tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Dương Văn A và bà Nguyễn Thị Th; chưa có vợ con; tiền án: **02** - Tại bản án số 26/2014/HSST ngày 20/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 27/9/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số 72/2015/HSST ngày 24/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 16/3/2016, chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 30/11/2016; tại ngoại – Có mặt.

2. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: **Tũn**), sinh năm 1994 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn I, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: **01** - Tại Bản án số 23/2013/HSST ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”;

ngày 26/01/2014, chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 05/12/2016; tại ngoại – Có mặt.

3. Nguyễn Quy Th, sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn I, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Kim Th; chưa có vợ con; bị bắt giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 20/9/2016; tại ngoại – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quy Th: **Luật sư Phan Văn C** – Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Những người bị hại:

1. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1987; trú tại: TDP 6, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

2. Ông Huỳnh Ngọc Th 1, sinh năm 1952; trú tại: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

3. Anh Huỳnh Hữu H, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

4. Anh Nguyễn Văn T 1, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn C1 và chị Trần Thị Tú Tr; trú tại: thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

2. Anh Nguyễn Đình S; trú tại: Thôn H, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

3. Chị Nghiêm Thị H; trú tại: Thôn I, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

4. Chị Lê Thị Ngọc Ng; trú tại: Thôn H, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Chị Nguyễn Thị Tr; trú tại: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

6. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1968; trú tại: Khôi 6, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có Nguyễn Bảo Th không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 24/5/2016, Nguyễn Bảo Th, Nguyễn Văn T, Dương Văn T, Nguyễn Quy Th thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi phát hiện nhà anh Phạm Văn V đóng cửa không có người ở nhà thì Nguyễn Quy Th ở ngoài cảnh giới còn Nguyễn Bảo Th dùng tuốc nơ vít mang theo cạy cửa vào trong nhà lấy 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell – Core i2, Ram 2G cùng cục sạc pin và túi đựng máy tính. Sau đó, Nguyễn Quy Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F9-3990 chở Nguyễn Bảo Th đi đến ngã ba thị trấn K thì gặp Nguyễn Văn T và Dương Văn T. Nguyễn Bảo Th kẻ lại ngoài chiếc máy tính xách tay mà Nguyễn Bảo Th đã lấy được tại nhà anh Phạm Văn V còn có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Exiter 150 biển kiểm soát: 48H1 - 082.31 có cắm ổ khóa điện trên xe. Dương Văn T nói quay lại lấy chiếc xe mô tô trên thì cả nhóm đồng ý, Nguyễn Bảo Th và Dương Văn T đã quay lại nhà anh Phạm Văn V để lấy chiếc xe này. Sau đó, Nguyễn Bảo Th, Nguyễn Văn T, Dương Văn T, Nguyễn Quy Th cùng nhau mang chiếc xe này đến tỉnh Bình Phước bán cho một người tên T2 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được số tiền 7.800.000 đồng và chia nhau tiêu xài. Đối với máy tính xách tay nhãn hiệu Dell mà Nguyễn Bảo Th và Nguyễn Quy Th lấy trộm được thì Nguyễn Văn T và Nguyễn Bảo Th mang đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn C1 và chị Trần Thị Tú Tr ở thôn 3, xã Q, huyện Đ cầm cố được số tiền 1.500.000 đồng và chia nhau tiêu xài.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 31/5/2016, Nguyễn Văn T và Nguyễn Bảo Th thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Huỳnh Ngọc Th11, phát hiện nhà khóa cửa nhưng không có người ở nhà nên cả hai đi ra phía sau nhà dùng xà beng mang theo cạy cửa đột nhập vào phòng bếp lấy 01 bếp từ hồng ngoại nhãn hiệu Kangaroo. Sau đó, phát hiện thấy nhà anh Huỳnh Hữu H (là con ruột của ông Th 1) khóa cửa nhưng không có người ở nhà, Nguyễn Bảo Th và Nguyễn Văn T đi ra phía sau dùng xà beng cạy cửa đột nhập vào bên trong nhà, Nguyễn Bảo Th đi vào phòng ngủ nhà anh Huỳnh Hữu H lấy được số tiền 5.700.000 đồng nhưng không nói cho Nguyễn Văn T biết và dùng tiêu xài riêng. Sau đó, Nguyễn Bảo Th cùng Nguyễn Văn T lấy chiếc tivi nhãn hiệu ASANZO loại 32 inch và 01 tăng âm nhãn hiệu Nanomax. Sau khi lấy được các tài sản này, Nguyễn Văn T mang chiếc bếp từ hồng ngoại về nhà sử dụng còn chiếc tivi và tăng âm Nguyễn Văn T mang đi bán cho anh Nguyễn Đình S được số tiền 1.700.000 đồng và cùng Nguyễn Bảo Th chia nhau tiêu xài.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 06/6/2016, Dương Văn T rủ Nguyễn Bảo Th đến nhà cô của Dương Văn T (thôn N, xã V, huyện G) chơi. Khi đến nhà ông Nguyễn Văn T1 thấy có 02 chiếc máy phát cỏ đang để bên ngoài, Dương Văn T đi đến lấy 02 chiếc máy phát cỏ vác lên vai đi ra ngoài cùng Nguyễn Bảo Th chở ra

thị trấn K huyện Đ bán cho anh Lê Văn Th ở tổ 6, thị trấn K được số tiền 2.500.000 đồng và chia nhau tiêu xài.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ được gồm:

- 01 chiếc túi xách đựng máy tính xách tay; 01 ti vi nhãn hiệu ASANZO màn hình phẳng loại 32inch; 01 tăng âm nhãn hiệu Nanomax ; 01 bếp từ nhãn hiệu Kangaroo; 02 chiếc máy phát cỏ nhãn hiệu G 3K màu đỏ đã qua sử dụng . Các tài sản này đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô Yamaha - Exciter 150 biển kiểm soát : 48H1 - 082.31 và 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell – Core i2 Ram 2G cùng cục sạc pin chưa thu giữ được . Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tách ra khi nào thu giữ được sẽ tiến hành xử lý sau.

- 01 tuốc nơ vít có 02 đầu.

- Đối với 01 xà beng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội sau khi gây án các bị c áo đã làm mất , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành xác minh truy tìm nhưng không có kết quả nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát: 48B1-307.26 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Skygo biển kiểm soát: 48F9-3990 xác định chủ sở hữu hợp pháp không biết việc các bị cáo sử dụng xe vào hành vi phạm tội nên không tiến hành thu giữ.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 20/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận:

- Giá trị còn lại của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Exciter biển kiểm soát 48H1 - 082.31 tại thời điểm bị chiếm đoạt 48.550.000 đồng. Giá trị còn lại của 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL-CORE i2 Ram 2G cùng sạc Pin của máy là 3.834.000 đồng; giá trị còn lại của 01 chiếc túi xách đựng máy tính xách tay (không có nhãn hiệu) là 90.000 đồng;

- Giá trị còn lại của 01 ti vi nhãn hiệu ASANZO màn hình phẳng loại 32inch tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.850.000 đồng; 01 tăng âm nhãn hiệu NANOMAX có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.900.000 đồng. Giá trị còn lại của 01 bếp từ hồng ngoại nhãn hiệu Kangaroo tại thời điểm bị chiếm đoạt là 857.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 14/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: Giá trị còn lại của 02

chiếc máy phát cỏ nhãn hiệu G 3K màu đỏ tại thời điểm chiếm đoạt là 6.100.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Bảo Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quy Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 30/11/2016.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 05/12/2016.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quy Th 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 20/9/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bảo Th, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 26/6/2017, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 27/6/2017, bị cáo Dương Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Quy Th kháng cáo xin được hưởng án treo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Quy Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Quy Th.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quy Th phát biểu ý kiến: Bị cáo Th có nhân thân tốt, do bị rủ rê, lôi kéo nên đã tham gia hành vi phạm tội, bị cáo không phải là người thực hành và chỉ tham gia 01 lần. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có tác động gia đình bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho người bị hại Phạm Văn V. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường toàn bộ số tiền 2.500.000 đồng mà bản án sơ thẩm quyết định buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo,

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các chứng cứ tài liệu thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Quy Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Dương Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần với giá trị tài sản bị trộm cắp là 58.574.000 đồng, phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần với giá trị tài sản bị trộm cắp là 58.099.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn T cung cấp thêm tình tiết bị cáo mới lấy vợ, vợ đang mang thai; bị cáo Nguyễn Văn T trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Văn T mức hình phạt 03 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 06 tháng tù là mức hình phạt thấp gần đầu khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là đã xem xét khách quan, toàn diện hành vi phạm tội của các bị cáo, mức hình phạt này là tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Văn T và Nguyễn Văn T.

Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại Phạm Văn V số tiền 10.000.000 đồng, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo (BL 405) Toà án cấp sơ thẩm tuy có nhận định nhưng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có thiếu sót. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Toà án cấp phúc thẩm chỉ sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Quy Th: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bà cố của bị cáo là bà Mai Thị M là bà mẹ Việt Nam anh hùng được quy định tại các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo tiếp tục bồi thường hết số tiền còn lại cho anh Phạm Văn V là 2.500.000 đồng. Bị cáo có vai trò thấp trong vụ án, bị các bị cáo khác rủ rê. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Bị cáo đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Dương Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Quy Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn T nên bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn T về việc xin giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối

với các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn T; sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quy Th, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quy Th.

1.1. Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn T 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 30/11/2016.

1.2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 05/12/2016.

1.3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quy Th 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quy Th cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- CA huyện Đ;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu THCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phạm Văn Cảnh